

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 05 - 8 - 2019
V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình - Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Thanh Phát

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Ngọc Lợi

2. Ông Huỳnh Văn Thái

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2019/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2019 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đào Thị H, sinh năm: 1984 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện C, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Anh Đào N (N1), sinh năm: 1974 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã R, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/02/2019 và quá trình giải quyết vụ án, chị Đào Thị H là nguyên đơn trình bày:

Năm 2002, chị và anh N chung sống với nhau như vợ chồng. Năm 2010, vợ chồng đến Ủy ban nhân dân xã R, huyện G, tỉnh Kiên Giang đăng ký kết hôn, chung sống hạnh phúc đến tháng 01 năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hằng ngày thường xuyên cự cãi nhau, anh N thường xuyên đánh và ngược đãi chị. Cuối năm 2014, mâu thuẫn càng trầm trọng hơn nên chị về nhà cha, mẹ ruột sống ly thân với anh N cho đến nay. Ngoài ra, theo chị biết hiện tại anh N đang chung sống như vợ chồng với người phụ nữ khác nhưng không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh.

Quá trình sống chung chị và anh N có hai người con chung là cháu Đào N2, sinh ngày 08/7/2003 và cháu Đào N3, sinh ngày 17/9/2005, các cháu do anh N nuôi dưỡng.

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị không còn tình cảm với anh N và không thể tiếp tục chung sống với anh N được nữa. Do đó, yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: Tại phiên tòa chị xác định giữa chị và anh N không có tranh chấp về việc nuôi con nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Theo đơn khởi kiện chị có ý kiến giao cháu N2 và cháu N3 cho anh N nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con, mục đích là để anh N đến Tòa án và có ý kiến về vấn đề con chung, nhằm đảm bảo quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con, nhưng anh N không đến Tòa án và không có ý kiến. Do đó, chị và anh N sẽ tự thỏa thuận việc nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Đào N (N1) là bị đơn: Không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị H, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để Tòa án xem xét.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của Người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết vụ án, xem xét việc thụ lý vụ án, cấp tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng, tiến hành thu thập chứng cứ và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, vẫn còn vi phạm về thời hạn xét xử theo Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị khắc phục trong thời gian tới.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Chị H đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với anh N chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chị Đào Thị H và anh Đào N (N1) kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, thiếu sự quan tâm, chăm sóc nhau nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, anh N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến phản đối yêu cầu của chị H. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh N.

Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Đào Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đào N (N1). Đây là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Anh Đào N (N1) là bị đơn có nơi cư trú tại huyện G, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh N như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, anh N không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị H, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án để được xem xét, không đến Tòa án để tham gia phiên họp, hòa giải, phiên tòa là không thực hiện đúng về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do chị H giao nộp và do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặt khác, anh N đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị H và anh Đào N (N1) kết hôn năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 26/4/2010 tại Ủy ban nhân dân xã R, huyện G, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa anh, chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống chị và anh N xảy ra những mâu thuẫn như: Bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hằng ngày thường xuyên cự cãi nhau, anh N thường xuyên đánh và ngược đãi chị, có sự nghi ngờ nhau về việc không chung thủy trong thời kỳ hôn nhân. Hậu quả chị và anh N không còn sống chung từ tháng 12 năm 2014 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân chị và anh N không gặp nhau hoặc liên hệ với nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, chị H và anh N vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành thủ tục hòa giải để giải quyết mâu thuẫn, tạo điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không đạt kết quả do anh N văng mặt và không có ý kiến phản đối yêu cầu của chị H. Điều này cho thấy tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị H yêu cầu ly hôn với anh N là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Chị Đào Thị H và anh Đào N (N1) có hai người con chung là cháu Đào N2, sinh ngày 08/7/2003 và cháu Đào N3, sinh ngày 17/9/2005, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu N2 và cháu N3, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị H đồng ý giao các con chung cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng. Trường hợp, chị H và anh N có tranh chấp về việc nuôi con chung thì có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết trong một vụ việc khác.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đào Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 96, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp chặn cho chị Đào Thị H được ly hôn với anh Đào N (N1).

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Đào Thị H đồng ý để anh Đào N (N1) tiếp tục nuôi cháu Đào N2, sinh ngày 08/7/2003 và cháu Đào N3, sinh ngày 17/9/2005. Trường hợp, chị H và anh N có tranh chấp về việc nuôi con chung thì có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết trong một vụ việc khác.

3. Về án phí: Chị Đào Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007446 ngày 11/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang. Chị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đào Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 05/8/2019; Anh Đào N (N1) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh KG;
- VKS ND huyện GR;
- THA Huyện GR;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Đã ký

Danh Thanh Phát